TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **166**/2024/DS-ST
Ngày: 04-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Khel.
2. Ông Nguyễn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 04/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2024/TLST-DS ngày 08/7/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ.

Trụ sở: Số G, đường P, Phường C, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp:* Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số D, đường Q, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản Ủy quyền ngày 30/5/2024) (có mặt).

– *Bị đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số T, đường L, Khóm G, Phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàng H trình bày: Vào ngày 27/10/2017, Ngân hàng và bà Lâm Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00783736-0158112201T17008, để cho bà Hoa vay: 10.000.000 đồng, lãi suất 15,6%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 28,8%/năm (lãi quá hạn 150% lãi trong hạn). Thời hạn vay: 12 tháng (từ 27/10/2017 đến ngày 27/10/2018). Mục đích vay tiêu dùng. Hình thức vay: Cho vay từng lần, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày 27/10/2017 đến nay bà Lâm Thị H chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn gốc: 6.594.743 đồng, lãi trong hạn: 1.370.942 đồng. Tổng cộng: 7.965.685 đồng.

Tính đến ngày 30/8/2024, bà Lâm Thị H còn nợ Ngân hàng: Vốn gốc 3.405.257 đồng, lãi trong hạn 189.058 đồng, lãi quá hạn 5.462.300 đồng. Tổng cộng 9.056.615 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lâm Thị H trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 30/8/2024 là 9.056.615 đồng và lãi phát sinh với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lâm Thị H, nhưng bà Hkhông có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Lâm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 27/10/2017, Ngân hàng và bà Lâm Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00783736-0158112201T17008, để cho bà Hoa vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 15,6%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 28,8%/năm (lãi quá hạn 150% lãi trong hạn). Thời hạn vay: 12 tháng (từ 27/10/2017 đến ngày 27/10/2018). Mục đích vay tiêu dùng. Hình thức vay: Cho vay từng lần, lãi tính theo dư nợ ban đầu. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 27/10/2017 đến nay bà Lâm Thị H chỉ trả được cho Ngân hàng vốn: 6.594.743 đồng, lãi trong hạn: 1.370.942 đồng, tổng cộng: 7.965.685 đồng.

[3] Quá trình sử dụng vốn vay, bà H không thực hiện đúng thoả thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nhiều lần Ngân hàng nhắc nợ bà H vẫn không thực hiện. Xét thấy, việc bà H không thực hiện nghĩa vụ theo giao kết, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Bà H là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vốn và lãi vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00783736-0158112201T17008 ngày 27/10/2017 (bút lục 07, 08), Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn (bút lục 10) và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Hoa có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu bà H trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với

khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 04/9/2024 vốn gốc 3.405.257 đồng, lãi trong hạn 189.058 đồng, lãi quá hạn 5.462.300 đồng, tổng cộng 9.056.615 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ mà các bên đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Kể từ ngày 05/9/2024, nếu bà Hoa không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì bà Hoa còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Hoa phải chịu 452.830 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Lâm Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn gốc 3.405.257 đồng, lãi trong hạn 189.058 đồng, lãi quá hạn 5.462.300 đồng, tổng cộng 9.056.615 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày 05/9/2024, bà Lâm Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị H phải chịu 452.830 đồng án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001867, ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh